

LUẬN VỀ BIỂU TẶNG

*Hình thức và lý do của sự trao đổi
trong các xã hội cổ sơ*

Tủ sách Tinh hoa Tri thức Thế giới

MARCEL MAUSS

LUẬN VỀ BIỂU TẶNG

*Hình thức và lý do của sự trao đổi
trong các xã hội cổ sơ*

Với Dẫn nhập vào sự nghiệp nghiên cứu
của Marcel Mauss của Claude Lévi-Strauss,

Hướng đến một dân tộc chí về các cung ứng
không thông qua thị trường của Florence Weber

Nguyễn Tùng dịch

(Tái bản lần thứ năm)

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

**LUẬN VỀ BIẾU TẶNG - Hình thức và lý do của sự trao đổi trong các xã hội
cổ sơ || Marcel Mauss**

Dẫn nhập vào sự nghiệp nghiên cứu của Marcel Mauss ||
Cl. Lévi-Strauss

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp

**ESSAI SUR LE DON: forme et raison de l'échange dans les sociétés
archaïques || Marcel Mauss**

Text extrait de *L'Année sociologique*, second série, 1924-1925, t.I

Introduction à l'oeuvre de M. Mauss || Cl. Lévi-Strauss

Text extrait de Marcel Mauss, *Sociologique et Anthropologie*, PUF,
2006

Bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Tùng

Bản quyền tiếng Việt © Nhà xuất bản Tri thức

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao
chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử mà không
có sự cho phép của NXB Tri thức là hành vi vi phạm pháp luật.

Mục lục

<i>Chú giải từ vựng</i>	7
<i>Vài ghi chú của người dịch</i>	11
<i>Lời người dịch</i>	13
Claude Lévi-Strauss: <i>Dẫn nhập vào sự nghiệp nghiên cứu của Marcel Mauss</i>	27
Florence Weber: <i>Hướng đến một dân tộc chí về các cung ứng không thông qua thị trường</i>	97
DẪN NHẬP: Về sự biêu tặng, và đặc biệt về nghĩa vụ đáp tặng các món quà	179
CHƯƠNG I: Các quà tặng được trao đổi và nghĩa vụ đáp tặng (ở Polynesia)	
I - Cung ứng toàn bộ, tài sản của anh em cùng mẹ đối lại với tài sản của nam giới (ở Samoa)	197
II - Tinh thần của đồ vật được biêu (Maori)	204
III - Các chủ đề khác: Nghĩa vụ tặng quà và nghĩa vụ nhận quà	211
IV - Nhận xét: Quà tặng cho người và quà tặng cho thần linh	216

CHƯƠNG II: Sự lan rộng của hệ thống này: Hào phóng, danh dự, tiền tệ

I - Các quy tắc của sự hào phóng. Người Andaman	233
II - Các nguyên tắc, lý do và cường độ của các trao đổi quà tặng (ở Melanesia)	237
III - Tây Bắc Mỹ: Danh dự và tín dụng	276

CHƯƠNG III: Tàn dư của các nguyên tắc nói trên trong các luật lệ cổ và các nền kinh tế cổ

I - Quyền đối vật và quyền đối nhân (luật La Mã rất cổ)	341
II - Luật Hindu cổ điển	362
III - Luật German (thê chấp và biếu tặng)	380

CHƯƠNG IV: Kết luận

I - Kết luận về luân lý	393
II - Kết luận về xã hội học kinh tế và kinh tế chính trị học	409
III - Kết luận về xã hội học đại cương và về đạo đức học	424

Thư mục 1: Các công trình của Marcel Mauss 439

Thư mục 2: Các công trình nghiên cứu về Marcel Mauss 457

Thư mục 3: Các tư liệu do Marcel Mauss trích dẫn trong LVBT 467

Chú giải từ vựng

L: Tiếng Latin.

M: Từ dùng ở Melanesia, chủ yếu nơi người Trobriand.

P: Từ dùng ở Polynesia, chủ yếu nơi người Maori.

Accipiens (L): Người nhận

Basi (M): Vòng cổ hay vòng tay ít có giá trị.

Beku (M): Rìu lớn được mài nhẵn.

Buwana (M): Tên gọi các món quà tặng vì lý do tính dục (cũng như sebuwana).

Damnatio (L): Sự kết án, kết tội.

Damnatus (L): Người bị kết án, tù bỏ, ruộng bỏ.

Emptus (L): Mua.

Familia (L): Nhóm bao gồm cả người và đồ vật.

Gens, gentes (L): Thị tộc hay nhóm gia đình có cùng họ.

Gimwali (M): Trao đổi đồ vật thường, không dùng tiền tệ ở các đảo Trobriand.

Hakari (P): Lễ hội có trưng bày nhiều thức ăn.

Hau (P): Tinh thần, sức mạnh của đồ vật (từ của tiếng Maori). Xem ý kiến của Cl. Lévi-Strauss và F. Weber trong phụ lục của sách này.

Luận về biếu tặng

- Kabigidoga* (M): Lễ giới thiệu một chiếc xuồng mới.
- Karibudabod* (M): Sự thưởng công cho những người làm việc trên các xuồng hay ở ngoài đồng.
- Kula* (M): Hệ thống trao đổi quà tặng ở các đảo Trobriand (*kula* có nghĩa gần giống với *ulu-ulu*).
- Logwa* (Mỹ-Ấn): Bùa chú, vật siêu nhiên nơi người Mỹ-Ấn Kwakiutl.
- Masagali* (M): Lễ hội tang ma.
- Mana* (P): Sức mạnh tâm linh, siêu nhiên.
- Mancipatio* (L): Bán, chuyển nhượng.
- Mwasila* (M): Nghi lễ ma thuật trong chu trình *kula* ở Tây Thái Bình Dương.
- Murimuri*: Người đối tác xa xôi ở New Guinea thuộc Anh.
- Mwali* (M): Vòng tay làm bằng vỏ sò được đeo và mài nhẵn, đeo trong các dịp quan trọng.
- Nexum* (German): Mối “liên hệ” về luật, đến từ đồ vật cũng như từ con người.
- Nexus* (L): Sự ràng buộc, sự thể chấp, vật được thể chấp.
- Oloa* (P): Cửa cái của đàn ông.
- Orenda* (Mỹ-Ấn): Sức mạnh huyền bí nơi người Iroquois (Bắc Mỹ).
- Pari* (M): Quà tặng khai lễ.
- Pecunia* (L): Súc vật nhỏ nuôi ngoài đồng và tiền bạc.
- Potlatch* (Mỹ-Ấn): Lễ hội lớn của người Mỹ-Ấn ở Tây Bắc châu Mỹ, tập hợp cả một bộ lạc, thậm chí nhiều bộ lạc, để trao đổi các quà tặng và đôi khi đi đến mức phá hủy của cải nhằm mục đích phô trương.

Res (L): Đồ vật. *Res mancipi*: vật bị chiếm hữu, *res nec mancipi*: Vật không bị chiếm hữu.

Sagali (M): Phân phối thực phẩm lớn trong nhiều dịp: Gặt hái, xây lều cho thủ lĩnh, chế tạo xuồng mới, lễ hội tang ma...

Sebuwana (M): Tên gọi “các món quà tặng vì lý do tính dục”, cũng như *buwana*.

Silka (Mỹ-Ấn): *Potlatch* trong dịp lễ tang.

S’oi (M): Lễ hội trong dịp tang ma.

Solutio (L): Chi trả.

Soulava (M): Vòng đeo cổ tiện từ xà cừ xinh đẹp của ốc gai (*spondyle*) đỏ. Chúng được các phụ nữ đeo một cách trang trọng, còn đàn ông thì chỉ đeo trong các dịp rất đặc biệt, chẳng hạn trong trường hợp hấp hối.

Sousala: Tên của một sự trả công cho một việc làm (như chế tạo đĩa), xem *Urigubu*.

Taonga (M): Đồ vật quý giá.

Tonga (P): Cửa cái của phụ nữ.

Urigubu (M): Trả công hàng năm cho việc gặt hái do một người anh, em vợ hay anh, em rể làm. Sự thưởng công ấy cũng mang tên là *sousala* khi nó đủ lớn.

Uvalaku (M): Chuyến đi xa bằng đường biển, lớn và long trọng, có tính lễ nghi và tranh đua.

Vaga (M): Quà khai trương (Malinowski dịch là “opening gift”).

Vakapula (M): Một cách trả lương.

Vaygu’a (M): Vật quý giá.

Luận về biếu tặng

Vewoulo (M): Quà tặng ban đầu (Malinowski dịch là “initial gift”).

Wakan (Mỹ-Ấn): Sức mạnh huyền bí người Sioux (Bắc Mỹ).

Wasi (M): Cũng giống như *kula*.

Woyla (M): Theo đuổi tán tỉnh trong dịp *kula* [Malinowski dịch là “*kula courting*”].

Yomela (M): Quà tặng cuối cùng (Malinowski dịch là “initial gift”).

Yotile (M): Quà đáp trả (Malinowski dịch là “clinchng gift”, tức quà đóng lại sự giao dịch).

Youlo (M): Tên của việc chi trả cho việc chế tạo vòng tay.

Yutchin (Úc): Tục buộc dây bện bằng tóc xung quanh cổ của người khách.

Vài ghi chú của người dịch

Trong lần xuất hiện đầu tiên, tên tư liệu và tên báo trích dẫn được dịch sang tiếng Việt (tên dịch được đặt trong dấu ngoặc vuông [...]). Để có các thông tin đầy đủ về tên họ tác giả, năm, nơi và tên nhà xuất bản của tư liệu trích dẫn, xin xem Thư mục 3 (Các tư liệu do Marcel Mauss trích dẫn trong *Luận về biếu tặng*) ở cuối sách.

Trong *Luận về biếu tặng* và bài của Claude Lévi-Strauss, tất cả các câu, từ đặt trong dấu ngoặc vuông [...] là của người dịch.

Các từ viết tắt:

- LVBT: Luận về biếu tặng
- ND: Người dịch.
- Sđd: Tư liệu đã dẫn
- Svd: Tư liệu vừa dẫn
- tr.: Trang
- tt.: Tiếp theo

Lời người dịch

Nguyễn Tùng

Marcel Mauss là nhà nhân học lớn của Pháp. Và *Essai sur le don* [Luận về biếu tặng - LVBT]¹ thường được nhiều người xem là kiệt tác của ông. Theo Claude Lévi-Strauss², nhà nhân học lừng danh thế giới, ảnh hưởng của Mauss không phải chỉ giới hạn nơi hầu hết các nhà dân tộc chí, mà còn tác động đến các nhà ngữ học, tâm lý học, sử học về tôn giáo và các nhà Đông phương học của Pháp. Lévi-Strauss cũng nhận ra vài âm vang như thế nơi nhiều nhà nhân học Anh-Mỹ lớn như Radcliffe-Brown, Malinowski, Evans-Pritchard, Firth, Herkovits, Lloyd Warner,

¹ Đăng năm 1924 trong tạp chí *L'Année Sociologique*, tập 1, và được đăng lại lần đầu trong Marcel Mauss, *Sociologie et anthropologie* [Xã hội học và nhân học], Paris, PUF, 1950, tr. IX-LII.

² Claude Lévi-Strauss, *Introduction à l'œuvre de Marcel Mauss* [Dẫn nhập vào sự nghiệp nghiên cứu của Marcel Mauss], trong svd, tr. IX. Xem bài dịch tr. 27 của sách này.

Luận về biểu tượng

Redfield, Kluckhohn, Elkin, Held... Tại Pháp, một số nhà nhân học, xã hội học và kinh tế học (thuộc “cánh tả mới” ở Pháp) ngưỡng mộ Marcel Mauss đến mức, vào đầu những năm 1980, đã thành lập một tổ chức lấy tên là “Mouvement anti-utilitariste dans les sciences sociales” (Phong trào chống thuyết vị lợi trong các khoa học xã hội), viết tắt thành MAUSS (trùng với tên của Marcel Mauss) và xuất bản một tạp chí cùng tên (*La Revue du MAUSS*).

LVBT (1925) có lẽ là công trình nổi tiếng và khó hiểu vào bậc nhất của ngành nhân học xã hội. Nó hấp dẫn độc giả đến mức ngay cả Lévi-Strauss cũng đã phải thú nhận: “Ít người có thể đọc *LVBT* mà không cảm thấy cả một loạt các cảm xúc mà Malebranche đã miêu tả khi nhắc đến lần đầu tiên ông đọc Descartes: Tim đập mạnh, đầu nóng lên, và tinh thần bị xâm chiếm bởi một xác tín còn chưa rõ lắm, nhưng mãnh liệt, là mình đang chứng kiến một sự cố quyết định của tiến triển khoa học.”³

Trong cuốn sách này, ngoài *LVBT*, còn có ở phần phụ lục bản dịch hai bài rất dài của Claude Lévi-Strauss (1950) và của Florence Weber (2007).

“Dẫn vào sự nghiệp nghiên cứu của Marcel Mauss⁴” là một bài rất quan trọng và rất nổi tiếng: Không những nó giới thiệu được các công hiến lý thuyết quyết định

³ Xem tr. 65 của sách này.

⁴ Xem chú thích 2.

của Mauss đối với nhân học mà còn là một tuyên ngôn của chủ nghĩa cấu trúc mà Cl. Lévi-Strauss đang xây dựng vào thời đó. Phải nói là khi đọc hay nghe Lévi-Strauss, một người “thường thường bậc trung” như tôi cũng cảm thấy mình thông minh hẳn ra!

Viết sau bài trên đến gần 60 năm, bài “Hướng đến một dân tộc chí về các cung ứng không thông qua thị trường⁵” của Florence Weber, trái lại, tập trung vào việc giới thiệu *LVBT* (đặc biệt bà bác bỏ nhận định nổi tiếng của Lévi-Strauss cho rằng Mauss đã sai lầm khi dùng khái niệm *hau* - tức là “sức mạnh” của đồ vật theo người Maori - để lý giải nghĩa vụ đáp tặng). Bà cũng giới thiệu ảnh hưởng của *LVBT* trên các nghiên cứu dân tộc chí về biếu tặng, trao đổi, chuyển giao và giao dịch từ hơn nửa thế kỷ nay.

Chính vì đã có hai bài rất dài của Lévi-Strauss và Weber, tôi sẽ chỉ giới thiệu sơ qua tiểu sử của Marcel Mauss và trình bày các khó khăn mà tôi đã gặp trong khi dịch *LVBT*.

Tiểu sử Marcel Mauss

Sinh năm 1872 ở Épinal trong một gia đình giáo trưởng đạo Do Thái, Marcel Mauss học triết học ở Đại học Bordeaux dưới sự theo dõi của cậu ruột là

⁵ “Introduction. Vers une ethnographie des prestations sans marché”, lời nói đầu của Florence Weber, trong Marcel Mauss, *Essai sur le don*, Paris, PUF, “Quadrige, Grands Textes”, 2007, tr. 7-62. Xem bài dịch tr. 97 của sách này.

Luận về biểu tặng

Émile Durkheim (1858-1917) - được bổ làm Giáo sư khoa sư phạm và khoa học xã hội ở trường đại học này từ năm 1887 - nên ông chịu ảnh hưởng sâu sắc của nhà xã hội học danh tiếng này. Marcel Mauss từng thú nhận: “Tôi đã sống cả phần đầu của đời tôi bên cạnh ba vĩ nhân [...]: Durkheim, Jaurès⁶ và Sylvain Lévi.⁷”⁸

Đậu thạc sĩ⁹ triết học năm 1893, ông không nhận dạy ở Bordeaux mà lên Paris tìm hiểu môn nhân học thông qua các tác phẩm của J.G. Frazer (1854-1941)¹⁰ và E.B. Tylor (1832-1917)¹¹. Dưới sự hướng dẫn chủ yếu của Sylvain Lévi, ông học tiếng Phạn, ngữ học so sánh các ngôn ngữ Ấn-Âu và lịch sử tôn giáo nhằm thực hiện

⁶ Jean Jaurès (1858-1914): Chính khách Pháp, nhà lãnh đạo nổi tiếng của Đảng Xã hội SFIO, bị ám sát năm 1914.

⁷ S. Lévi (1863-1935): Giáo sư về ngôn ngữ và văn học tiếng Phạn ở Trường Cao học Thực hành và ở Collège de France (Học viện Pháp, xem chú thích 12).

⁸ Marcel Mauss, *Œuvres* [Tác phẩm], tập 3. *Cohésion sociale et division de la sociologie* [Cố kết xã hội và sự phân chia xã hội học], Paris, Éditions de Minuit, 1969, tr. 544.

⁹ Trước đây, từ “thạc sĩ” được dùng để dịch từ “agrégation” hay “agrégé”. “Agrégé” là người đậu cuộc thi tuyển (concours d’agrégation) giáo viên trung học phổ thông hay giáo sư đại học (riêng cho ba ngành chỉ dạy ở đại học là luật, y và dược). Không hiểu tại sao từ khoảng hơn mười năm nay, ở Việt Nam từ “thạc sĩ” lại được dùng để dịch học vị “master” của Anh-Mỹ, cũng như học vị “maitrise” và “master” của Pháp, khiến cho có sự lẫn lộn nhiều khi rất đáng tiếc!

¹⁰ Nghiên cứu về ma thuật và tôn giáo, cuốn *Golden Bough* (Nhánh cây vàng) của ông (gồm 12 tập trong lần xuất bản thứ 3, từ 1906 đến 1915) rất nổi tiếng. Ở Việt Nam đã có bản dịch mang tên *Cành vàng*.

¹¹ Hai cuốn sách nổi tiếng nhất của ông là *Primitive Culture* (Văn hóa nguyên thủy) và *Anthropology* (Nhân học).

luận án tiến sĩ về cầu nguyện mà ông sẽ không bao giờ hoàn thành. Năm 1901, ông được bổ nhiệm làm giáo sư về lịch sử tôn giáo của các dân tộc “không văn minh” ở Trường Cao học Thực hành (École Pratique des Hautes Études, Paris): Trong bài giảng đầu tiên ông đã bác bỏ cụm từ “không văn minh” này.

Nhờ biết nhiều ngoại ngữ (và cổ ngữ), Mauss đã giới thiệu, trong các bài giảng cũng như những bài điểm sách của ông đăng trong *L'Année sociologique* [Năm Xã hội học] do Durkheim sáng lập năm 1898, các công trình nghiên cứu ở nước ngoài, đặc biệt ở Anh và Mỹ, và nhờ thế đã góp phần không nhỏ vào việc xác định vị trí của trường phái nhân học Pháp trong bối cảnh quốc tế.

Sau khi Durkheim qua đời năm 1917, ông nỗ lực làm sống lại tạp chí *L'Année sociologique*, với sự giúp đỡ của C. Bouglé, G. Davy, P. Fauconnet và M. Halbwachs.

Năm 1931, ông được bầu làm giáo sư xã hội học ở Collège de France (Học viện Pháp), trường đại học có uy tín và độc đáo nhất của Pháp¹².

Song song với việc nghiên cứu và giảng dạy, Mauss còn là một nhà hoạt động chính trị rất tích

¹² Trường này không cấp văn bằng nào cả; hai tiêu chuẩn chính để được dạy ở đây là phải có các đóng góp quan trọng trong ngành của mình và phải được tập thể giáo sư của trường bầu vào.

Luận về biểu tượng

cực. Gia nhập (năm 1905) Đảng Xã hội Pháp SFIO mà ông không bao giờ rời bỏ, ông đã đấu tranh trong nhóm sinh viên ủng hộ Dreyfus¹³, giao du với J. Jaurès, tham gia thành lập báo *L'Humanité* [Nhân Đạo] và đảm nhận chức thư ký ban biên tập. Sau hội nghị ở Tours năm 1920¹⁴, ông tiếp tục tham gia Đảng Xã hội SFIO; ông viết nhiều bài về thời sự chính trị trong báo *Le Populaire* [Bình Dân] của đảng SFIO. Về hưu năm 1940, ông đã chịu nhiều thử thách trong Thế chiến II. Ông qua đời năm 1950.

Từ năm 1925, trong khuôn khổ của Viện Dân tộc học thuộc Đại học Paris mà ông đã cùng L. Lévy-Bruhl và P. Rivet thành lập và tổ chức, Mauss đã góp phần quan trọng trong việc biến nhân học thành một môn độc lập. Từ 1926 đến 1940, ông đã đào tạo ở đây thế hệ đầu tiên các nhà dân tộc học Pháp nghiên cứu trên thực địa: Georges Devereux, Germaine Dieterlen, Marcel Griaule, André-Georges Haudricourt, Michel Leiris, Alfred Métraux, Denise Paulme, André Schaffner, Jacques Soustelle,...

Đóng góp khoa học quan trọng của Mauss là đã làm nhẹ bớt tinh thần hệ thống, quan điểm phát sinh,

¹³ Vụ Dreyfus là một tranh chấp chính trị và xã hội lớn của Đệ Tam Cộng hòa Pháp, kéo dài hơn mười năm (1895-1906), xung quanh đại úy Alfred Dreyfus (gốc Do Thái) bị buộc tội phản quốc (làm gián điệp cho Đức). Rất cuộc, Dreyfus được trắng án và được phục hồi danh dự.

¹⁴ Trong hội nghị này, những người ủng hộ Cách mạng Nga đã tách khỏi Đảng Xã hội để tham gia Quốc tế Cộng sản và sau đó thành lập Đảng Cộng sản Pháp (PCF).

khuyh hướng thần bí của Durkheim và một số môn đệ của ông. Khác với Durkheim, ông không xem cái “phức hợp” (le complexe) như là phái sinh từ cái đơn giản (le simple) được coi như là “nguồn gốc” theo quan điểm tiến hóa luận. Trái lại, ông xét các sự kiện trong mối quan hệ của chúng với toàn bộ tổ chức xã hội mà chúng thuộc vào. Theo ông, các hiện tượng xã hội cũng là các hiện tượng tinh thần. Lối tiếp cận mới này đã cho phép ông tạo ra được khái niệm “sự kiện xã hội toàn bộ” (fait social total) mà ông đã chủ yếu trình bày trong *LVBT*: Không tập trung vào các định chế (như luật pháp, nghi lễ, hôn nhân, huyền thoại...), thực ra chỉ là kết quả của sự chia cắt thực tại xã hội, mà trái lại tập trung vào *tổng thể cụ thể* (totalité concrète) mà chúng là thành phần; chính trong sự tương quan với tổng thể cụ thể đó mà chúng có ý nghĩa nhờ tạo nên hệ thống. Nhà dân tộc học có nhiệm vụ tái lập tổng thể xã hội và tìm ra các thời điểm thuận lợi nhất - như *potlatch* của người Mỹ-Ấn ở vùng duyên hải Tây-Bắc châu Mỹ mà F. Boas nghiên cứu hay *kula* ở Melanesia mà B.K. Malinowski phân tích - trong đó một xã hội hiện ra rõ nhất nhờ sự hoạt động của toàn bộ các định chế và các biểu trưng của nó.

Theo cách nhìn của Mauss, các xã hội “nguyên thủy” không phải là “đơn giản” như Durkheim quan niệm, mà có sự “phức tạp” khác với sự phức tạp của

Luận về biểu tượng

xã hội phương Tây đương đại. Chính vì quan niệm như thế, nên Mauss chống lại việc L. Lévy-Bruhl đối lập triệt để “trí trạng nguyên thủy” (mentalité primitive) với trí trạng hiện đại. Cũng do quan niệm đó, nên Mauss đã luôn đặc biệt quan tâm đến các phạm trù miêu tả - đặc biệt trong cuốn *Manuel d'ethnographie* [Giáo trình dân tộc chí] - và cho rằng chuyên khảo (monographie) là hình thức trình bày và phân tích thích hợp nhất cho việc giới thiệu các thực tại xã hội phức tạp.

Các công trình nghiên cứu của Mauss đã có ảnh hưởng không những đối với các nhà nghiên cứu trong các ngành khoa học xã hội mà cả đối với nhà văn và các nhà triết học (như Roger Caillois, Georges Bataille, Raymond Queneau...).

Trong tất cả các tác phẩm của ông, *LVBT* là công trình được trích dẫn nhiều nhất, cả ở ngoài Pháp, đặc biệt ở Anh và ở Mỹ. Tiểu luận này cũng đã để lại dấu ấn sâu sắc nơi nhiều nhà nhân học lớn như A.C. Radcliffe-Brown, B.K. Malinowski, E.E. Evans-Pritchard, R. Firth, M.J. Herkovits, R. Redfield... Nói chung, ảnh hưởng của ông rất rõ nét trong các công trình nghiên cứu ở Đại học Oxford dưới sự hướng dẫn của Evans-Pritchard và R. Needham.

Được xem như là một trong những lý thuyết gia chính của nền nhân học Pháp, Mauss chưa từng viết

một cuốn sách nào để trình bày một cách hệ thống những tư tưởng chủ đạo của ông. Và dù được xem là vị giáo sư đã thúc đẩy các môn đệ của mình tiến hành các điều tra điền dã, bản thân Mauss chưa từng nghiên cứu trên thực địa. Rất đa dạng, các bài báo của ông thường có tựa đề bắt đầu bằng các từ khiêm tốn như “sơ thảo” (esquisse), “tiểu luận” (essai), “trích đoạn” (fragment), “dẫn nhập” (introduction)... và thường được viết chung với người khác (như E. Durkheim, P. Fauconnet, H. Beuchet và nhất là H. Hubert). Điều đó không những chứng tỏ ông ý thức sâu sắc tính chất tạm thời và có thể bác bỏ được của các công trình khoa học, mà còn cho thấy ông coi trọng sự hợp tác với bạn đồng sự và lối làm việc tập thể.

Do các phát hiện lý thuyết không được trình bày một cách hệ thống, chúng thường bị giải thích theo nhiều cách mà đôi khi trái ngược nhau: Chẳng hạn đối với Georges Gurvitch, “sự kiện xã hội toàn bộ” bao gồm cả trạng huống (conjuncture) lẫn cấu trúc trong khi Claude Lévi-Strauss lại phát hiện nó trong cấu trúc và trong tính chất tương quan của tư tưởng biểu tượng. Nhiều chủ đề mà ông đề cập - như biểu tượng, ma thuật, kỹ thuật thân xác, hiến sinh, cầu nguyện, v.v. - đã hoặc có thể mở ra những hướng nghiên cứu đầy hứa hẹn.

Về bản dịch *LVBT*

Tôi đã đọc *LVBT* cách đây gần 50 năm trong khi học xã hội học và dân tộc học ở Đại học La Sorbonne (Paris). Chỉ đọc lướt qua thôi để ghi các ý và các câu mà tôi hiểu được và thấy hay, nhưng những trang ông viết về *kula, potlatch...* đã lưu lại trong trí tôi nhiều ấn tượng sâu sắc. Chính vì thế, tác phẩm đầu tiên mà tôi hứa dịch cho Nhà xuất bản Tri thức là *LVBT*. Nhưng khi bắt tay vào việc, tôi mới thấy là dịch nó rất khó, nếu muốn làm nghiêm túc, vì các lý do sau đây.

Tuy chỉ dài 134 trang khổ lớn thôi¹⁵, *LVBT* rất khó đọc trước hết vì có quá nhiều chú thích (có lẽ phải chiếm đến một phần ba số từ của cuốn sách). Vì ý thức được điều đó nên Mauss đã cẩn thận ghi rõ trong chú thích 2 ở trang 149 (ấn bản 1950) là “các chú thích và tất cả những gì không in bằng chữ to chỉ cần thiết cho các chuyên gia”. Phần lớn các tư liệu mà ông tham khảo thường viết bằng tiếng Anh, tiếng Đức, thậm chí đôi khi bằng tiếng Hà Lan, tiếng Latin và tiếng Phạn, khiến tôi đã mất khá nhiều thì giờ để dịch các tựa đề của chúng sang tiếng Việt (vì nghĩ rằng phần lớn độc giả không biết các ngôn ngữ này). Chẳng những thế ông thường ghi thiếu tên tác giả, tên nhà xuất bản, năm và nơi xuất bản. Cho đến nay, các bản in lại *LVBT* cũng như hai

¹⁵ Ấn bản 1950 của Nhà xuất bản PUF, xem chú thích 1.

bản dịch tiếng Anh¹⁶ đều giữ nguyên các sai sót đó. Chỉ có nhà xuất bản W.W. Norton & Co (bản dịch của W.D. Halls) nói rõ là họ đã không tìm ra 170 trích dẫn bằng tiếng Anh mà Mauss trích dẫn. Tôi đã dành khá nhiều công sức để tìm lại được hầu hết các thông tin đó trên Internet (xem Thư mục 3 ở cuối sách). Ở Chương III về các luật cổ La Mã, Hindu và German (chủ yếu là tiền thân của nước Đức ngày nay), ông dùng nhiều từ Latin mà không dịch sang tiếng Pháp. Như ta biết một từ thường có nhiều nghĩa. Do thiếu ngữ cảnh, lắm khi tôi đã không thể ghi nghĩa chính xác của chúng và không thể dịch một số cụm từ và câu Latin, nên một số đoạn trở thành khó hiểu thêm!

Tiếp theo, đúng như Lévi-Strauss nhận định¹⁷ (sđd, tr. IX), do tư tưởng của Mauss quá “súc tích” (dense), nên trở thành “khó hiểu” (opaque). Và nhiều trang lộn xộn của ông còn có cái gì của “bản nháp trong đó nằm kề nhau một cách lạ lùng các ghi chú thiếu chính xác và, bị nén ép trong một lô các chú thích phê bình đê bẹp văn bản”. Chẳng những thế lối tiếp cận vòng vo (tortueux) của ông thường làm

¹⁶ Marcel Mauss, *The Gift. Forms and Functions of Exchange in Archaic Societies* [Tức *Luận về biếu tặng* do Ian Cunnison dịch sang tiếng Anh, với lời giới thiệu của E.E. Evans-Pritchard], Glencoe, The Free Press; London, Cohen & West.

Marcel Mauss, *The Gift: The Form and Reason for Exchange in Archaic Societies* [do W. D. Halls dịch và Mary Douglas giới thiệu], New York, W. W. Norton & Co.

¹⁷ Xem sách này, tr. 27, dòng 3, 4.

Luận về biểu tặng

độc giả lạc đường. Nói gọn lại là *LVBT* có nhiều câu và nhiều đoạn rất khó hiểu. Thế mà, nếu không hiểu đúng ý của tác giả, thì chắc chắn sẽ dịch sai. Do đó, tôi đã càng mất thêm thì giờ đọc đi đọc lại và nghiền ngẫm (thậm chí đôi khi phải tham khảo ý kiến của vài nhà dân tộc học Pháp đồng sự). Thú thật, kể cả khi sửa lại lần chót, tôi vẫn thấy còn vài chi tiết chưa giải quyết thỏa đáng, nhưng cũng đành chịu, vì không thể cầu toàn và kéo dài thêm vài năm nữa!

Khó khăn cuối cùng là Mauss dùng một số từ với nghĩa mới mà ông tạo ra cho chúng. Tôi cũng đã mất khá nhiều công sức để tìm hoặc tạo ra các từ tiếng Việt tương đương. Chẳng hạn từ “*prestation*” mà ông dùng không những để chỉ các “phục vụ”, “dịch vụ” (service) mà cả sự biểu tặng những đồ vật, phẩm tước, chức vụ, đặc quyền... Lúc đầu, tôi dịch thành “phục vụ” (service) (như bản dịch của W.D. Halls, còn Ian Cunnison thì giữ nguyên từ “*prestation*”, xem chú thích 41), nhưng sau thấy không ổn, nên đành dùng từ “*cung ứng*” dường như có nghĩa rộng hơn “phục vụ”. Về từ “*contre-don*”, tôi đã tạm tạo ra từ “đáp tặng” để dịch, theo mô hình của các từ Hán-Việt “đáp bái”, “đáp lễ”¹⁸... Tôi cũng đặt ra một số từ chưa hẳn đã thỏa đáng: Giảm quy (*réduire, réduction*), tác định (*déterminer, déterminisme*), lý

¹⁸ Xem *Hán-Việt từ điển* của Đào Duy Anh.

năng (raison như là khả năng, tức faculté..., dành từ lý tính cho rationalité), trí trạng (mentalité), minh nhiên (explicite và explicitement, trái với implicite và explicitemlent = mặc nhiên), hiền minh (sage), bố trí vật chất (dispositif matériel)...

Dù tôi đã rất nỗ lực, nhưng do hiểu biết giới hạn, bản dịch này chắc chắn còn nhiều thiếu sót, sai lầm. Rất mong độc giả ân cần chỉ giáo để tôi sửa chữa trong lần tái bản (nếu có!).

Để kết thúc, tôi xin cảm ơn ông Chu Hảo và Nhà xuất bản Tri thức đã tạo điều kiện cho tôi dịch *LVBT* và đã kiên nhẫn chờ tôi hoàn thành bản dịch kéo dài đến hơn hai năm; cô Hoàng Thanh Thủy đã đảm nhận việc biên tập bản thảo; anh Bùi Văn Nam Sơn đã dịch hoặc xem lại cách dịch các tên sách bằng tiếng Đức; anh Nguyễn Nghị đã góp ý kiến về một số từ Latin; và bà Nicole Halsberghe đã dịch giúp các tựa đề bằng tiếng Hà Lan. Cuối cùng, tôi xin cảm ơn Nelly Krowolski đã chịu đựng sự bực bội, chán nản của tôi những khi gặp khó khăn trong việc dịch, đã góp ý kiến về một số cách diễn đạt quá đặc biệt của tiếng Pháp và nhất là đã tham gia làm các thư mục.

Paris, ngày 6/4/2011